1. Học phần: LUẬT KINH DOANH

(BUSINESS LAW)

1. Mã học phần: LAW2001
2. Ngành: Marketing
3. Khối lượng học tập: 3 tín chỉ.
4. Trình độ: Đại học.
5. Học phần điều kiện học trước: LAW1001-PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG
6. Mục đích học phần

Luật kinh doanh là học phần giúp sinh viên nắm vững quy định pháp luật và nhận thức rõ hơn về vai trò của các loại hình doanh nghiệp, các chủ thể kinh doanh, hợp đồng cũng như phá sản doanh nghiệp; xác định được vị trí, vai trò của các thiết chế có sự ảnh hưởng đến họat động kinh tế ở nước ta. Học phần trình bày những vấn đề cơ bản về chủ thể kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam, các quy định về hợp đồng; các quy định về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại; và các quy định về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Mã CĐR của học phần | Tên chuẩn đầu ra |
| 1 | CLO1 | Diễn giải được các quy định của pháp luật Việt Nam về các chủ thể kinh doanh, các quy định của pháp luật về hợp đồng và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại, các quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. |
| 2 | CLO2 | Áp dụng được các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống thực tế liên quan tới doanh nghiệp, hợp đồng, giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại và phá sản. |
| 3 | CLO3 | Phân tích được ưu điểm, nhược điểm của từng loại hình chủ thể kinh doanh, và của các hình thức giải quyết tranh chấp. |
| 4 | CLO4 | Đánh giá được các quy định của pháp luật Việt Nam về các chủ thể kinh doanh, các quy định của pháp luật về hợp đồng và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại, các quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. |
| 5 | CLO5 | Có kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm, kỹ năng trình bày vấn đề, kỹ năng phản biện.  |
| 6 | CLO6 | Hình thành ý thức tuân thủ pháp luật |

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình (PLO)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CĐR học phần/ CĐR chương trình | PLO1 | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5 | PLO6 | PLO7 | PLO8 | PLO9 | PLO10 | PLO11 | PLO12 |
| CLO1 | X |  | X |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 | X |  | X |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 | X |  | X |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 | X |  | X |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  | X | X |  |  |  |  |  |  |  |  | X |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | X |
| Tổng hợp theo HP | T | U | I |  |  |  |  |  |  |  |  | T |

**Chú thích:**

* **Introduce (I):** Chuẩn đầu ra chương trình (PLO) không nhất thiết phải được chuyển tải thành chuẩn đầu ra học phần (CLO) (nội dung “Introduce” gắn với chuẩn đầu ra chương trình không cần thể hiện trong chuẩn đầu ra học phần), có hoạt động giới thiệu sơ bộ, không có hoạt động kiểm tra, đánh giá trong học phần đó.
* **Teach (I):** PLO phải được chuyển tải thành CLO (nội dung Teach phải được thể hiện rõ trong CLO môn học), có hoạt động giảng dạy chính khóa, có hoạt động kiểm tra, đánh giá.
* **Utilize (U):** không nhất thiết PLO phải được chuyển tải thành CLO, không có hoạt động giảng dạy, sinh viên chỉ sử dụng những kiến thức, kỹ năng đã có ở môn học trước đó để học và/ hoặc đánh giá ở môn hiện tại.
1. Nhiệm vụ của sinh viên
	* Đọc tài liệu theo yêu cầu của giảng viên
	* Dự giảng và tham gia thảo luận trên lớp
	* Chuẩn bị và làm các bài tập tình huống do giảng viên giao
	* Làm bài tập theo nhóm và thuyết trình.
2. Tài liệu học tập:

*10.1.Giáo trình*

TL1.Tập bài giảng Luật Kinh doanh, Khoa Luật, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng,

*10.2.Văn bản pháp luật*

TL1. Luật Doanh nghiệp và văn bản hướng dẫn thi hành

TL2. Bộ luật Dân sự

TL3. Bộ luật Tố tụng dân sự

TL4. Luật Trọng tài thương mại

TL5. Luật Phá sản

TL6. Luật Hợp tác xã

*\*Lưu ý: -Các văn bản quy phạm pháp luật cần được thường xuyên cập nhật*

 *- Giảng viên sẽ hướng dẫn đọc một số nội dung liên quan trong các văn bản ở trên.*

1. Thang điểm: Theo thang điểm tín chỉ.
2. Nội dung chi tiết học phần

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | **CHƯƠNG 1** |
|  |  | **PHÁP LUẬT VỀ CHỦ THỂ KINH DOANH** |
| **1.1.** |  | **Tổng quan về doanh nghiệp** |
|  | 1.1.1 | Khái niệm doanh nghiệp |
|  | 1.1.2 | Đặc điểm doanh nghiệp |
|  | 1.1.3 | Phân loại doanh nghiệp |
| **1.2.** |  | ***Thành lập, đăng ký doanh nghiệp*** |
|  | 1.2.1 | Khái niệm thành lập, đăng ký doanh nghiệp |
|  | 1.2.2 | Điều kiện để thành lập, đăng ký doanh nghiệp |
|  | 1.2.3 | Thủ tục thành lập, đăng ký doanh nghiệp |
| **1.3.** |  | **Địa vị pháp lý của các loại hình doanh nghiệp** |
|  | 1.3.1 | Công ty trách nhiệm hữu hạn |
|  | 1.3.2 | Công ty cổ phần |
|  | 1.3.3 | Công ty hợp danh |
|  | 1.3.4 | Doanh nghiệp tư nhân |
| **1.4.** |  | **Địa vị pháp lý của Hợp tác xã, hộ kinh doanh, tổ hợp tác** |
|  | 1.4.1 | Hợp tác xã |
|  | 1.4.2 | Hộ kinh doanh, tổ hợp tác |
|  |  |  |
|  |  | **Tài liệu học tập** |
|  | TL1 | Đọc chương 1, Tập bài giảng Luật Kinh doanh, Khoa Luật, Đại học Kinh tế Đà Nẵng |
|  | TL2 | Đọc Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và văn bản hướng dẫn thi hành. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | **CHƯƠNG 2** |
|  |  | **CHẾ ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG**  |
| **2.1.** |  | **Nguồn điều chỉnh của hợp đồng**  |
|  | 2.1.1 | Khái niệm |
|  | 2.1.2 | Nguồn điều chỉnh hợp đồng |
| **2.2.** |  | **Các quy định pháp lý về hợp đồng, giao kết và thực hiện hợp đồng**  |
|  | 2.2.1 | Khái niệm, đặc điểm, phân loại hợp đồng  |
|  | 2.2.2 | Nội dung chủ yếu của hợp đồng  |
|  | 2.2.3 | Giao kết hợp đồng  |
|  | 2.2.4 | Hợp đồng vô hiệu |
|  | 2.2.5 | Thực hiện, sửa đổi, chấm dứt hợp đồng  |
| **2.3** |  | **Trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng** |
|  | 2.3.1 | Khái niệm, nguyên tắc |
|  | 2.3.1 | Trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng |
|  |  | **Tài liệu học tập** |
|  | TL1 | Đọc chương 2, Tập bài giảng Luật Kinh doanh, Khoa Luật, Đại học Kinh tế Đà Nẵng |
|  | TL2 | Đọc một số điều có nội dung liên quan trong Bộ Luật Dân sự |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | **CHƯƠNG 3** |
|  |  | **CHẾ ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG KINH DOANH THƯƠNG MẠI** |
| **3.1.** |  | **Khái quát chung về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại** |
|  | 3.1.1 | Một số khái niệm |
|  | 3.1.2 | Đặc điểm |
|  | 3.1.3 | Vai trò |
|  | 3.1.4 | Phương thức giải quyết |
| **3.2.** |  | **Giải quyết tranh chấp tại Tòa án nhân dân** |
|  | 3.2.1 | Nguyên tắc pháp lý khi giải quyết tranh chấp |
|  | 3.2.2 | Thẩm quyền giải quyết tranh chấp |
|  | 3.2.3 | Trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp |
| **3.3** |  | **Giải quyết tranh chấp tại Trọng tài Thương mại** |
|  | 3.3.1 | Quy định chung về trọng tài thương mại |
|  | 3.3.2 | Đặc điểm, điều kiện của giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại |
|  | 3.3.3 | Thủ tục giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại |
|  |  |  |
|  |  | **Tài liệu học tập** |
|  | TL1 | Đọc chương 3, Tập bài giảng Luật Kinh doanh, Khoa Luật, Đại học Kinh tế Đà Nẵng |
|  | TL2 | Đọc một số điều có nội dung liên quan trong Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Luật Trọng tài Thương mại |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | **CHƯƠNG 4** |
|  |  | **LUẬT PHÁ SẢN** |
| **3.1.** |  | **Quy định chung** |
|  | 3.1.1 | Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng |
|  | 3.1.2 | Thẩm quyền giải quyết phá sản |
|  | 3.1.3 | Thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản |
| **3.2.** |  | **Vấn đề tài sản trong giải quyết yêu cầu phá sản doanh nghiệp** |
|  | 3.2.1 | Nghĩa vụ về tài sản |
|  | 3.2.2 | Biện pháp bảo toàn tài sản |
|  | 3.2.3 | Hội nghị chủ nợ |
| **3.3** |  | **Thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh – Thủ tục thanh lý tài sản** |
|  | 3.3.1 | Thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh |
|  | 3.3.2 | Thủ tục thanh lý tài sản |
|  | 3.3.3 | Quyết định tuyên bố phá sản |
|  |  |  |
|  |  | **Tài liệu học tập** |
|  | TL1 | Đọc chương 4, Tập bài giảng Luật Kinh doanh, Khoa Luật, Đại học Kinh tế Đà Nẵng |
|  | TL2 | Đọc Luật Phá sản |

1. Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra (CLO) và nội dung (chương) học phần

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chương thứ | Tên chương | CLO1 | CLO2 | CLO3 | CLO4 | CLO5 | CLO6 |
| 1 | Pháp luật về chủ thể kinh doanh | X | X | X | X | X | X |
| 2 | Chế định pháp luật về hợp đồng  | X | X |  | X | X | X |
| 3 | Chế định pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại | X | X | X | X | X | X |
| 4 | Luật Phá sản | X | X |  | X | X | X |

1. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và phương pháp giảng dạy, học tập (TLS)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | **Mã** | **Tên phương pháp giảng dạy, học tập (TLS)** | **Nhóm phương pháp** | CLO1 | CLO2 | CLO3 | CLO4 | CLO5 | CLO6 |
| 1 | **TLM1** | Giải thích cụ thể |  Explicit Teaching | 1 | X | X |  |  |  |  |
| 2 | **TLM2** | Thuyết giảng | Lecture | 1 | X |  | X |  |  |  |
| 3 | **TLM3** | Tham luận |  Guest Speaker | 1 |  |  |  |  |  |  |
| 4 | **TLM4** | Giải quyết vấn đề | Problem Solving | 2 |  | X |  |  |  |  |
| 5 | **TLM5** | Tập kích não |  Brainstorming | 2 |  |  |  |  |  |  |
| 6 | **TLM6** | Học theo tình huống |  Case Study | 2 | X | X |  |  | X |  |
| 7 | **TLM7** | Đóng vai |  Role Playing | 3 |  |  |  |  |  |  |
| 8 | **TLM8** | Trò chơi |  Game | 4 |  |  |  |  |  |  |
| 9 | **TLM9** | Thực tập, thực tế |  Field Trip | 4 |  |  |  |  |  |  |
| 10 | **TLM10** | Tranh luận |  Debate | 4 |  | X |  |  | X |  |
| 11 | **TLM11** | Thảo luận |  Discussion | 5 | X | X | X | X |  |  |
| 12 | **TLM12** | Học nhóm | Peer Practice | 5 | X |  |  |  | X |  |
| 13 | **TLM13** | Câu hỏi gợi mở |  Inquiry | 5 | X |  | X | X |  |  |
| 14 | **TLM14** | Dự án nghiên cứu |  Research Project/ Independent Study | 6 |  |  |  |  |  |  |
| 15 | **TLM15** | Học trực tuyến | Technology-Based Methods | 7 |  |  |  |  |  |  |
| 16 | **TLM16** | Bài tập ở nhà |  Work Assigment | 6 | X | X |  |  |  |  |
| 17 | **TLM17** | Hướng dẫn | Seminar/Tutorial | 1 |  |  |  |  |  | X |
| 18 | **TLM18** | Biểu diễn | Story Theatre | 3 |  |  |  |  |  |  |
| 19 | **TLM19** | Mô phỏng | Simulation | 4 |  |  |  |  |  |  |
| 20 | **TLM20** | Lớp học lắp ghép | Jigsaw | 5 |  |  |  |  |  |  |

1. Phân bổ thời gian theo tiết cho 03 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chương thứ | Tên chương | Số tiết tín chỉ  | Phương pháp giảng dạy |
| Lýthuyết | Thực hành | Tổng số |
| 1 | Pháp luật về chủ thể kinh doanh | 12 | 6 | 18 | TLM1, TLM2, TLM4, TLM6, TLM10, TLM11, TLM12, TLM13, TLM16, TLM17 |
| 2 | Chế định pháp luật về hợp đồng  | 6 | 3 | 9 | TLM1, TLM2, TLM4, TLM6, TLM10, TLM11, TLM12, TLM13, TLM16, TLM17 |
| 3 | Chế định pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại | 6 | 3 | 9 | TLM1, TLM2, TLM4, TLM6, TLM10, TLM11, TLM12, TLM13, TLM16, TLM17 |
| 4 | Luật Phá sản | 6 | 3 | 9 | TLM1, TLM2, TLM4, TLM6, TLM10, TLM11, TLM12, TLM13, TLM16, TLM17 |
|  | **Tổng** | **30** | **15** | **45** |  |

1. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và phương pháp đánh giá (AM)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | **Mã** | **Tên phương pháp đánh giá** | **Nhóm phương pháp** | CLO1 | CLO2 | CLO3 | CLO4 | CLO5 | CL06 |
| **1** | **AM1** | Đánh giá chuyên cần |  Attendence Check | 1 | X | X | X | X |  | X |
| **2** | **AM2** | Đánh giá bài tập | Work Assigment | 1 | X | X | X | X |  |  |
| **3** | **AM3** | Đánh giá thuyết trình |  Oral Presentaion | 1 | X | X | X | X | X | X |
| **4** | **AM4** | Đánh giá hoạt động |  Performance test | 2 |  |  |  |  |  |  |
| **5** | **AM5** | Nhật ký thực tập | Journal and blogs | 2 |  |  |  |  |  |  |
| **6** | **AM6** | Kiểm tra tự luận |  Essay | 2 | X | X | X | X |  |  |
| **7** | **AM7** | Kiểm tra trắc nghiệm | Multiple choice exam | 2 |  |  |  |  |  |  |
| **8** | **AM8** | Bảo vệ và thi vấn đáp |  Oral Exam | 2 |  |  |  |  |  |  |
| **9** | **AM9** | Báo cáo | Written Report | 2 |  |  |  |  |  |  |
| **10** | **AM10** | Đánh giá làm việc nhóm | Teamwork Assessment | 3 |  | X | X | X | X |  |
| **11** | **AM11** | Báo cáo khóa luận | Graduation Thesis/ Report | 3 |  |  |  |  |  |  |
| **12** | **AM12** | Khác |  | 4 |  |  |  |  |  |  |

1. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | **Tuần** | **Nội dung** | **Phương pháp đánh giá** | **Tỷ lệ (%)** | **CLO1** | **CLO2** | **CLO3** | **CLO4** | **CLO5** | **CL06** |
| 1 | 3,4,5,9 | Chương 1, 3 | AM3,AM10 | 10% | X | X |  |  | X |  |
| 2 | 7 | Chương 1 | AM6 | 20% | X | X | X | X |  |  |
| 3 | 1-6, 8-15 | Chương 1, 2, 3,4 | AM1,AM2 | 10% | X | X | X | X | X | X |
| 4 |  Theo lịch | Toàn bộ |  | 60% | X | X | X | X |  |  |
| **Tổng cộng** | 100% |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Xác nhận của Khoa/Bộ môn** |